

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)
Phường 10 - Đợt 1**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/ TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi bổ sung điểm b, Khoản 1, Điều 6 Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng v/v phê duyệt dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng);

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 tháng 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc Phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản để thực hiện dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

Qua xem xét Báo cáo thẩm định số 660/BC-TNMT, ngày 26/5/2023 của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) Phường 10 - Đợt 1, cụ thể như sau:

1. Diện tích thu hồi đất : **10.343,2 m²**

Trong đó:

- Đất ở đô thị : 138,9 m²;
- Đất trồng lúa : 9.428,6 m²;
- Đất trồng cây lâu năm : 222,0 m²;
- Đất trồng cây hàng năm : 553,7 m².

2. Số hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng : 14 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức gồm:

- Số hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi : 14 hộ;
- Số tổ chức có đất bị thu hồi : 01 tổ chức;
- Số hộ có cây trồng bị ảnh hưởng : 01 hộ.

(Kèm theo phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)

3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: **3.731.403.932 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

Trong đó:

Danh mục bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện	Loại đất	Khối lượng	Thành tiền (Đồng)
A. Kinh phí bồi thường			3.587.888.396
1. Bồi thường đất		8.141,8	3.014.464.970
Đất ở đô thị	ODT	138,9	869.097.300
Đất trồng lúa	LUC	7.227,2	1.440.504.460
Đất trồng cây lâu năm	CLN	222,0	592.296.000
Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	553,7	112.567.210
2. Bồi thường cây trồng		1 hộ	1.344.688
3. Hỗ trợ			572.078.738
Hỗ trợ chuyển đổi nghề, đào tạo và tìm kiếm		8 hộ	519.438.750

việc làm (1,5 lần)			
Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng thời hạn		14 hộ	52.639.988
B. Chi phí tổ chức thực hiện GPMB (A x 4%)		4%	143.515.536
<u>C. Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện (A + B)</u>			<u>3.731.403.932</u>

(Kèm theo bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường 10 tổ chức công bố, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) Phường 10 - Đợt 1 được duyệt tại Điều 1 Quyết định này. Đồng thời thực hiện việc chi trả và phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt.

Phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân phường 10 giải quyết khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố; Ban quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sóc Trăng; Kho bạc Nhà nước Sóc Trăng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 10 thành phố Sóc Trăng; Hộ gia đình, cá nhân và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở TN&MT;
- CT; các PCT;
- CVP; PCVP HCQT;
- Thanh tra thành phố;
- Bộ phận TN&TKQ;
- NCTH;
- Lưu: VT (Kèm hồ sơ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Nhanh
Trần Văn Nhanh



PHƯƠNG ÁN

Về dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) Phường 10 - Đợt 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1049 /QĐ-UBND, ngày 26/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

PHẦN I

KHÁI QUÁT CHUNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Căn cứ thực hiện dự án

Căn cứ Nghị Quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

Căn cứ Nghị Quyết số 91/20212/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2022 Chính phủ triển khai Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ xây dựng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/ TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi bổ sung điểm b, Khoản 1, Điều 6 Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng);

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 tháng 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc Phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản để thực hiện dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 14 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng bởi Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, đoạn đi qua địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

II. NGUỒN VỐN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước theo Nghị Quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025: 1.000 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Nhà nước còn lại: 10.961 tỷ đồng.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2027.

III. TỔNG HỢP DỰ ÁN

1. Phạm vi thu hồi đất

Phạm vi thu hồi đất: Theo cấm cộc mốc giải phóng mặt bằng do Chủ đầu tư cung cấp và mảnh trích đo địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

Thuộc địa bàn: Khóm 2, Khóm 3 phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Diện tích thu hồi đất : 10.343,2 m²

Trong đó

- Đất ở đô thị : 138,9 m²;
- Đất trồng lúa : 9.428,6 m²;
- Đất trồng cây lâu năm : 222,0 m²;
- Đất trồng cây hàng năm : 553,7 m².

- 3. Số hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng** : 14 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức gồm:
- Số hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi : 14 hộ;
 - Số tổ chức có đất bị thu hồi : 01 tổ chức;
 - Số hộ có cây trồng bị ảnh hưởng : 01 hộ.

PHẦN II

QUY ĐỊNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

I. CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG

1. Bồi thường về đất

1.1. Khái quát nguồn gốc đất

+ Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất: Đối với đất ở đô thị;

+ Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: Đối với các loại đất còn lại;

+ Nhận chuyển quyền (chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế ...) đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

1.2 Quy định về bồi thường đất

1.2.1. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

- Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 thì được bồi thường.

- Việc bồi thường được thực hiện theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

- Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

1.2.2. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

- Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai;

- Trường hợp bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì được xác định tại Điều 12 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014.

- Trường hợp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được xác định tại Điều 13 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 cụ thể:

+ Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất;

+ Trường hợp người có đất thu hồi được bồi thường bằng tiền thì số tiền bồi thường phải trừ khoản tiền nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật về thu tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước để hoàn trả ngân sách Nhà nước.

1.3. Đơn giá bồi thường về đất

Được thực hiện theo Quyết định số 1195/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

2. Bồi thường đối với cây trồng, hoa màu

2.1. Quy định về bồi thường và hỗ trợ

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng thì việc bồi thường được thực hiện như sau:

- Đối với cây hàng năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề cây trồng đó và giá trung bình được tính theo giá tại thời điểm thu hồi đất. Trừ trường hợp sản phẩm thu hoạch trước ngày giao đất thì không được bồi thường (trong Biên bản kiểm kê giám định phải ghi rõ thời điểm bắt đầu trồng đến thời điểm thu hoạch cuối cùng).

Trường hợp trồng xen nhiều loại cây hàng năm thì chọn một loại chủ lực, diện tích lớn để tính giá bồi thường.

- Đối với cây lâu năm:

+ Cây ăn trái: Đơn giá bồi thường được xác định cho từng loại cây, nhóm cây có giá trị kinh tế tương đương. Đơn giá bồi thường được xác định bằng giá trị hiện có của vườn cây (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất) theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất, có xem xét đến sản lượng thu hoạch bình quân trong 01 năm, giá bán bình quân sản phẩm trên thị trường; chi phí đầu tư và thiệt hại thực tế (đối với những cây chưa thu hoạch).

+ Cây lấy gỗ: Đơn giá bồi thường được xác định trên cơ sở chi phí đầu tư ban đầu, chi phí chăm sóc, công chặt hạ; có xem xét đến giá trị từng loại cây gỗ để hỗ trợ đền bù thêm. Đơn giá bồi thường trên không bao gồm xác cây.

Cây kiểng: Đối với các loại cây kiểng trồng trong chậu, tùy theo giá thuê

mướn nhân công thực tế theo thời điểm của địa phương, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định mức hỗ trợ, di dời.

Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại.

2.2. Đơn giá bồi thường

Được thực hiện theo Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 tháng 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc Phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản để thực hiện dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1;

3. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất

3.1. Nguyên tắc bồi thường

- Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường;

- Khi Nhà nước thu hồi đất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ngừng sản xuất, kinh doanh mà có thiệt hại thì được bồi thường thiệt hại.

(Theo quy định khoản 1, 2, Điều 88 Luật Đất đai 2013)

3.2. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

- Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.

(Theo quy định khoản 2,3 Điều 92 Luật Đất đai 2013)

3.3. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình, vật kiến trúc

- Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

- Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế.

(Khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013)

- Đối với nhà ở, công trình xây dựng khác gắn liền với đất (không thuộc nhà, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân) và đối với nhà, công trình

xây dựng khác bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp và đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành về xây dựng xác nhận, để làm cơ sở bồi thường đối với toàn bộ nhà, công trình xây dựng đó khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo quy định sau:

- Mức bồi thường bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình khác bị thiệt hại và khoản tiền bằng 10% giá trị hiện có của nhà, công trình đó; nhưng tổng mức bồi thường tối đa không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

- Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp các ngành, địa phương kiểm kê, lập phương án chi phí đầu tư, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được thì bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình; trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ, (khoản 3 Điều 9 NĐ 47/2013) cụ thể:

+ Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần mà phần còn lại còn sử dụng được thì được bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ theo quy định, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm xác định chi phí để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại của nhà, công trình khác bị phá dỡ một phần theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi phá dỡ thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở chi trả cho người bị thiệt hại nhà, công trình khác bị phá dỡ (Điều 1 QĐ 35/2016/QĐ-UBND).

- Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp các ngành, địa phương kiểm kê, lập phương án chi phí đầu tư, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3.4. Đơn giá bồi thường

Được thực hiện theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất

a) Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ;

b) Việc hỗ trợ phải bảo đảm khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng quy định của pháp luật.

(Theo quy định điểm a, b Điều 83 Luật Đất đai 2013).

2. Các chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất

2.1 Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a,b,c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi, còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau:

Hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tại thời điểm thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2.2. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất *(theo điểm 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND, ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng).*

Hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt và bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền và tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và công trình, cây trồng và hoa màu từ 2.500.000 đồng trở lên thì được hỗ trợ với mức là 4% giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không vượt quá quy định sau:

- a) Hộ chỉ thiệt hại về đất: 4.000.000 đồng/hộ.
- b) Hộ chỉ thiệt hại về nhà, công trình: 4.000.000 đồng/hộ.
- c) Hộ bị thiệt hại về đất làm ảnh hưởng một phần nhà, công trình: 5.000.000 đồng/hộ.
- d) Hộ bị thu hồi nhà và đất (giải toả trắng): 10.000.000 đồng/hộ.

PHẦN III

KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

**KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:
3.731.403.932 đồng.**

(Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

Trong đó:

Danh mục bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện	Loại đất	Khối lượng	Thành tiền (Đồng)
A. Kinh phí bồi thường			3.587.888.396
1. Bồi thường đất		10.343,2	3.014.464.970
Đất ở đô thị	ODT	138,9	869.097.300
Đất trồng lúa	LUC	7.227,2	1.440.504.460
Đất trồng cây lâu năm	CLN	222,0	592.296.000
Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	553,7	112.567.210
2. Bồi thường cây trồng		1 hộ	1.344.688
3. Hỗ trợ			572.078.738
Hỗ trợ chuyển đổi nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (1,5 lần)		8 hộ	519.438.750
Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng thời hạn		14 hộ	52.639.988
B. Chi phí tổ chức thực hiện GPMB (A x 4%)		4%	143.515.536
<u>C. Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện (A + B)</u>			<u>3.731.403.932</u>

(Kèm theo bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết)

PHẦN IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường 10 tổ chức công bố, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) Phường 10 - Đợt 1 được duyệt tại Điều 1 Quyết định này. Đồng thời thực hiện việc chi trả và phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt.

- Phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân phường 10 giải quyết khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

- Trong quá trình chi trả tiền hỗ trợ nếu phát hiện có sai sót trong việc áp giá hỗ trợ đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng phối hợp với chủ đầu tư kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) Phường 10 - Đợt 1
(Kèm theo Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023)

STT	SQL	Tên chủ sử dụng	Diện tích thu hồi (m2)		Giá trị bồi thường		Giá trị hỗ trợ		Tổng hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức	Đất	Cây trồng	Chuyển đổi nghề	Bàn giao mặt bằng		
1	2	Trần Đức Huệ	1.287,4		259.735.370	0	0	4.000.000	4.000.000	263.735.370
2	6	Huỳnh Mal	739,0		121.639.400	0	55.425.000	4.000.000	59.425.000	181.064.400
3	7	Thạch Thu Hạnh	531,3		108.013.290	0	39.847.500	4.000.000	43.847.500	151.860.790
4	9	Trần Thị Hồng Nhung	82,3		219.576.400	0	27.776.250	4.000.000	31.776.250	251.352.650
5	10	Lâm Thị Rinh	39,8		106.186.400	0	13.432.500	4.000.000	17.432.500	123.618.900
6	11	Trương Hữu Lộc	131,3		709.208.400	0	0	4.000.000	4.000.000	713.208.400
7	13	Trần Hum	2.153,5		437.806.550	0	161.512.500	4.000.000	165.512.500	603.319.050
8	14	Võ Long Thọ	43,6		255.936.900	0	0	4.000.000	4.000.000	259.936.900
9	15	Trần Bình Cẩm	78,7		15.999.710	0	0	639.988	639.988	16.639.698
10	16	Lâm Khên	553,7		112.567.210	0	41.527.500	4.000.000	45.527.500	158.094.710
11	18	Tìa Minh Tâm	63,9		170.485.200	1.344.688	0	4.000.000	4.000.000	175.829.888
12	20	Sơn Thị Phương	1.637,0		269.450.200	0	122.775.000	4.000.000	126.775.000	396.225.200
13	21	Dương Thị Sung	761,9		125.408.740	0	57.142.500	4.000.000	61.142.500	186.551.240
14	23	Tìa Minh Quang	38,4		102.451.200	0	0	4.000.000	4.000.000	106.451.200
15	25	UBND Phường 10 quản lý		2.201,4	0	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	8.141,8	2.201	3.014.464.970	1.344.688	519.438.750	52.639.988	572.078.738	3.587.888.396

BẢNG AP GIA CHU TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1
(đoạn đi qua địa bàn Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) Phường 10 - Đợt 1
(Kèm theo Quyết định số 1049/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 5 năm 2023)

STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)			
1	2	Trần Đức Huệ; sinh năm: 1969; CMND/CCCD:094069018350 địa chỉ: 1194/28 Quốc lộ 1, phường 10, tp Sóc Trăng									
		1. Bồi thường đất		1.287,4				259.735.370			
		Đất trồng cây hàng năm vị trí tiếp giáp đường đất, hoặc tiếp giáp kênh thủy lợi	m2	1.235,9	203.300	1		251.258.470		từ 1 thửa 31	
		Đất trồng cây hàng năm vị trí còn lại	m2	51,5	164.600	1		8.476.900		từ 1 thửa 42	
		2. Chính sách hỗ trợ						4.000.000			
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000			
		Tổng cộng						259.735.370	4.000.000	263.735.370	
2	6	Huỳnh Mai; sinh năm: 1955; CMND/CCCD:094055007449 địa chỉ: 1207 Võ Văn Kiệt, phường 10, tp Sóc Trăng									
		1. Bồi thường đất		739,0				121.639.400			
		Đất trồng cây hàng năm vị trí còn lại	m2	739,0	164.600	1		121.639.400		từ 1 thửa 27	
		2. Chính sách hỗ trợ						59.425.000			
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	739,0	50.000	1,5			55.425.000		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1			4.000.000		
		Tổng cộng						121.639.400	59.425.000	181.064.400	
3	7	Thạch Thu Hạnh; sinh năm: 1974; CMND/CCCD:094074016286 địa chỉ: 1140, Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng									
		1. Bồi thường đất		531,3				108.013.290			

STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)		
4	9	Đất trồng cây hàng năm vị trí tiếp giáp đường đất, hoặc tiếp giáp kênh thủy lợi	m2	531,3	203.300	1	108.013.290			tờ 1 thửa 26
		2. Chính sách hỗ trợ						43.847.500		
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	531,3	50.000	1,5		39.847.500		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000		
		Tổng cộng					108.013.290	43.847.500	151.860.790	
Trần Thị Hồng Nhung; sinh năm: 1970; CMND/CCCD:094170010812 địa chỉ: 116 Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng										
		1. Bồi thường đất		82,3			219.576.400			
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	51,0	2.668.000	1	136.068.000			tờ 1 thửa 34
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	11,4	2.668.000	1	30.415.200			tờ 1 thửa 23
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	19,9	2.668.000	1	53.093.200			tờ 1 thửa 24
		2. Chính sách hỗ trợ						31.776.250		
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	82,3	225.000	1,5		27.776.250		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000		
		Tổng cộng					219.576.400	31.776.250	251.352.650	
5	10	Lâm Thị Rinh; sinh năm: 1957; CMND/CCCD:094157007561 địa chỉ: 1211 Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng								
		1. Bồi thường đất		39,8			106.186.400			

STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)		
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	29,0	2.668.000	1	77.372.000			từ 1 thửa 21
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	10,8	2.668.000	1	28.814.400			từ 1 thửa 20
		2. Chính sách hỗ trợ						17.432.500		
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	29,0	225.000	1,5		9.787.500		
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	10,8	225.000	1,5		3.645.000		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000		
6	11	Tổng cộng					106.186.400	17.432.500	123.618.900	
		Trương Hữu Lộc; sinh năm: 1978; CMND/CCCD:094078001260 địa chỉ: Ấp Phước Lợi, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, ST								
		1. Bồi thường đất		131,3			709.208.400			
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	31,3	2.668.000	1	83.508.400			từ 1 thửa 43
		Đất ở đô thị tiếp giáp Tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi thâm hậu 30m tính từ mép lộ giới	m2	100,0	6.257.000	1	625.700.000			
		2. Chính sách hỗ trợ						4.000.000		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000		
		Tổng cộng					709.208.400	4.000.000	713.208.400	
7	13	Trần Hum; sinh năm: 1953; CMND/CCCD:094053003470 địa chỉ: 1138 Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng								

STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)		
8	14	1. Bồi thường đất		2.153,5			437.806.550			
		Đất trồng cây hàng năm vị trí tiếp giáp đường đất, hoặc tiếp giáp kênh thủy lợi	m2	2.153,5	203.300	1	437.806.550			từ 1 thửa 18
		2. Chính sách hỗ trợ						165.512.500		
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	2.153,5	50.000	1,5		161.512.500		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000		
		Tổng cộng					437.806.550	165.512.500	603.319.050	
8	14	Võ Long Thọ; sinh năm: 1978; CMND/CCCD: 365249510 địa chỉ: Ấp Phước Lợi, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, ST								
		1. Bồi thường đất		43,6			255.936.900			
		Đất ở đô thị tiếp giáp Tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi thâm hậu 30m tính từ mép lộ giới	m2	38,9	6.257.000	1	243.397.300			từ 1 thửa 16
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	4,7	2.668.000	1	12.539.600			
		2. Chính sách hỗ trợ						4.000.000		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000		
		Tổng cộng					255.936.900	4.000.000	259.936.900	
9	15	Trần Bình Cầm; sinh năm: 1984; CMND/CCCD: 094084014108 địa chỉ: 440/13/16 Lý Thường Kiệt, phường 4,								
		1. Bồi thường đất		78,7			15.999.710			
		Đất trồng cây hàng năm vị trí tiếp giáp đường đất, hoặc tiếp giáp kênh thủy lợi	m2	78,7	203.300	1	15.999.710			từ 1 thửa 15
		2. Chính sách hỗ trợ						639.988		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn	hộ	1,0	15.999.710	0,04		639.988		
		Tổng cộng					15.999.710	639.988	16.639.698	
10	16	Lâm Khên; sinh năm: 1950; CMND/CCCD: 094050002618 địa chỉ: 1227 Quốc lộ 1, phường 10, tp Sóc Trăng								



STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)			
11	18	1. Bồi thường đất		553,7				112.567.210			
		Đất trồng cây hàng năm tiếp giáp tiếp giáp đường đất, hoặc tiếp giáp kênh thủy lợi	m2	553,7	203.300	1	112.567.210				
		2. Chính sách hỗ trợ						45.527.500			
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	553,7	50.000	1,5		41.527.500			
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000			
		Tổng cộng					112.567.210	45.527.500	158.094.710		
Tia Minh Tâm; sinh năm: 1989; CMND/CCCD:094089001129 địa chỉ: 1191 Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng											
		1. Bồi thường đất		63,9				170.485.200			
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	46,6	2.668.000	1	124.328.800				từ 1 thửa 10
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	17,3	2.668.000	1	46.156.400				từ 1 thửa 9
		2. Bồi thường cây trồng							1.344.688		
		Chuối loại A	Cây	6,0	65.000	1			390.000		
		Chuối loại B	Cây	14,0	33.000	1			462.000		
		Dừa loại B	Cây	1,0	492.688	1			492.688		
		3. Chính sách hỗ trợ							4.000.000		
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1			4.000.000		
				Tổng cộng					170.485.200	5.344.688	175.829.888
Sơn Thị Phương; sinh năm: 1960; CMND/CCCD:094160006208 địa chỉ: 1142/6 Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng											
		1. Bồi thường đất		1.637,0				269.450.200			
		Đất trồng cây hàng năm vị trí còn lại	m2	1.637,0	164.600	1	269.450.200				từ 1 thửa 6

STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú	
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)			
13	21	2. Chính sách hỗ trợ						126.775.000			
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	1.637,0	50.000	1,5		122.775.000			
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000			
		Tổng cộng					269.450.200	126.775.000	396.225.200		
		Dương Thị Sung; sinh năm: 1973; CMND/CCCD:094173012211 địa chỉ: 1143/27/10 Quốc lộ 1A, phường 10, tp Sóc Trăng									
		1. Bồi thường đất		761,9							tờ 1 thửa 5
		Đất trồng cây hàng năm vị trí còn lại	m2	761,9	164.600	1	125.408.740				
		2. Chính sách hỗ trợ						61.142.500			
		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất	m2	761,9	50.000	1,5		57.142.500			
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000			
		Tổng cộng					125.408.740	61.142.500	186.551.240		
14	23	Tia Minh Quang; sinh năm: 1984; CMND/CCCD:094084001271 địa chỉ: 1191 Quốc lộ 1, phường 10, tp Sóc Trăng									
		1. Bồi thường đất		38,4				102.451.200			tờ 1 thửa 1
		Đất nông nghiệp tiếp giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 m tính từ mép lộ giới	m2	38,4	2.668.000	1	102.451.200				
		5. Chính sách hỗ trợ						4.000.000			
		Hỗ trợ với mức là 4% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không quá 4.000.000đ/hộ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định hộ chỉ bị thiệt hại về đất	hộ	1,0	4.000.000	1		4.000.000			
		Tổng cộng					102.451.200	4.000.000	106.451.200		
15	25	UBND Phường 10 quận lý; sinh năm: ; CMND/CCCD: địa chỉ:									

STT	Số hồ sơ	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền đất (đồng)	Tài sản, hỗ trợ (đồng)		
		1. Bồi thường đất		2.201,4			0			
		Đất trồng cây hàng năm vị trí còn lại	m2	2.201,4	0	1	0			tờ 1 thửa 35
		2. Bồi thường nhà						0		
		3. Bồi thường công trình						0		
		4. Bồi thường cây trồng						0		
		5. Chính sách hỗ trợ						0		
		Tổng cộng					0	0	0	
		Tổng cộng BTHT							3.587.888.396	